ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 79 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 01 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Trà Bồng, giai đoạn 2011-2020

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 465
Ngày: 27/01/15
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Trà Bồng tại Tờ trình số 19/TTr-BQL ngày 29/10/2014 về việc phê duyệt Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng phòng hộ huyện Trà Bồng, giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 3002/BCTĐ-SNNPTNT ngày 25/12/2014 về Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Trà Bồng giai đoạn 2011-2020 và Công văn số 40/SNNPTNT ngày 12/01/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Trà Bồng, giai đoạn 2011-2020, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ huyện Trà Bồng, giai đoạn 2011-2020.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Trà Bồng.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tư vấn và sản xuất Nông lâm nghiệp Hạnh Nhân.

4. Địa điểm lập dự án: Trên địa bàn trên phạm vi 07 xã: Trà Hiệp; Trà Lâm; Trà Thủy; Trà Sơn; Trà Giang; Trà Tân; Trà Bùi thuộc huyện Trà Bồng;

gồm 23 tiểu khu: 31; 32; 33; 34; 35; 36; 37; 41; 42; 43; 46; 47; 60; 61; 65; 70; 72; 75; 76; 94; 95; 100; 103.

- Toạ độ địa lý:

+ Từ $15^{0}06'21''$ đến $15^{0}23'22''$ vĩ độ Bắc;

+ Từ $108^{0}22'7''$ đến $108^{0}37'49''$ kinh độ Đông.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án

- Nhằm rà soát diện tích rừng và đất lâm nghiệp để xây dựng, quản lý đầu tư chặt chẽ diện tích đất lâm nghiệp trong vùng dự án.

- Xác định được tổng vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư giai đoạn từ năm 2015-2020.

- Xây dựng suất đầu tư cho các hạng mục cần thiết, đặc biệt là suất đầu tư cho hạng mục trồng rừng phòng hộ.

6. Nội dung và qui mô của dự án

a) Quy mô của dự án: Tổng diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch cho bảo vệ và phát triển rừng là 9.154,878 ha, trong đó tổng diện tích đưa vào quy hoạch tác động các biện pháp lâm sinh là 8.977,608 ha.

b) Nội dung dự án

b1) Khối lượng giai đoạn 2011-2020

Hạng mục	ĐVT	Tổng khối lượng được phê duyệt	Khối lượng đã thực hiện từ 2011-2014	Khối lượng dự án điều chỉnh giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định này	Tăng/giảm (+/-)
A. Lâm sinh:					
I. Bảo vệ rừng:	ha	7.878,195	8.374,802	8.446,588	568,393
II. Phát triển rừng:	ha				
1. Khoanh nuôi tái sinh rừng	ha	182,670			-182,670
2. Trồng mới, CS rừng:	ha				
a.Trồng mới	ha	300,000	441,200	972,220	672,220
b. Chăm sóc, BVR 3 năm	ha	796,307	760,500	1.286,500	586,193
4. Hỗ trợ trồng cây phân tán	đồng		1.274.944.250	3.074.944.250	3.074.944.250
B. Xây dựng cơ sở hạ tầng:					
- Đường nội vùng Dự án.	km	9	4	20	11
- Sửa chữa trạm BVR.	trạm	2		2	
- Chòi canh lửa.	chòi	2		1	-1
- Bảng thông tin tuyên truyền	cái			5	5
- Vườn ươm.	vườn			1	1
- Dụng cụ PCCCR	đồng			280.854.816	280.854.816

b2) Nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng từ năm 2015-2020:

* Về lâm sinh:

- Quản lý bảo vệ rừng: 8.446,588 ha;

- Phát triển rừng:

+ Trồng mới rừng phòng hộ: 531,020 ha.

+ Chăm sóc rừng trồng: 526,000 ha (tương đương 1.212,000 lượt ha).

+ Hỗ trợ cây con trồng cây phân tán: 1.800.000.000 đồng.

* Về xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Đường lâm sinh kết hợp nội vùng dự án: 16 km.

- Sửa chữa trạm bảo vệ rừng: 2 trạm.

- Chòi canh lửa: 1 cái.

- Bảng thông tin tuyên truyền: 5 cái.

- Vườn ươm: 1 vườn.

- Dụng cụ PCCCR: 280.854.816 đồng.

7. Tổng mức đầu tư của dự án

a) Tổng mức đầu tư của dự án giai đoạn 2011-2020 *(đã bố trí vốn thực hiện từ năm 2011-2014).*

ĐVT: Đồng

Hạng mục	Tổng vốn và nguồn vốn được phê duyệt	Tổng vốn và nguồn vốn đã thực hiện từ 2011-2014	Tổng vốn và nguồn vốn dự án điều chỉnh giai đoạn 2011-2020 tại Quyết định này	Tăng/giảm (+/-)
I. Phân theo hạng mục:	**16.008.510.000**	**12.048.372.050**	**53.224.341.353**	**37.215.831.353**
1. Lâm sinh	14.144.350.000	10.864.372.050	45.063.645.973	30.919.295.973
2. Cơ sở hạ tầng	960.000.000	577.000.000	4.662.854.816	3.702.854.816
3. Chi phí khác	904.160.000	607.000.000	577.161.478	-326.998.522
4. Chi phí dự phòng chi			2.800.679.085	2.800.679.085
II. Nguồn vốn	**16.008.510.000**	**12.048.372.050**	**53.224.341.353**	**37.215.831.353**
1. Chương trình Bảo vệ và PTR	10.057.710.000	7.957.090.250	38.830.516.179	27.868.646.179
2. Theo Nghị quyết 30a/CP	5.046.640.000	4.091.281.800	14.393.825.174	9.347.185.174

b) Tổng mức đầu tư của dự án giai đoạn 2015-2020 điều chỉnh

b1) Phân theo hạng mục:

Tổng vốn đầu tư: 41.175.969.303 đồng, trong đó:

- Lâm sinh: 34.199.273.923 đồng;

- Cơ sở hạ tầng: 4.085.854.816 đồng;

- Dự phòng chi: 2.800.679.085 đồng;

- Chi phí khác: 90.161.478 đồng.

b2) Phân theo nguồn vốn đầu tư:

Ngân sách Nhà nước cấp 41.175.969.303 đồng; trong đó:

- Vốn ngân sách Nhà nước cấp theo Chương trình bảo vệ và phát triển rừng: 30.873.425.929 đồng.

- Vốn ngân cấp Nhà nước cấp theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ: 10.302.543.374 đồng.

8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện: 2011-2020

Điều 2. Căn cứ điều 1 của Quyết định này,

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Trà Bồng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể từng hạng mục, báo cáo UBND tỉnh, các Sở, ngành: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và UBND huyện Trà Bồng để theo dõi.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Trà Bồng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hàng năm được giao, đảm bảo yêu cầu và theo đúng các quy định Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; thanh, quyết toán kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn cho Chương trình Bảo vệ và phát triển rừng theo kế hoạch, để bảo đảm đến năm 2020 độ che phủ rừng toàn tỉnh đạt được chỉ tiêu đã đề ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Trà Bồng, giai đoạn 2011-2015.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Trà Bồng, Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như Điều 4;
-Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
-TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh(b/cáo);
-CT, các PCT UBND tỉnh;
-VPUB: PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
-Lưu: VT, NN-TNak25.

CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ